



XU THẾ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI NGỮ/TIẾNG ANH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

ThS. ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Phổ thông

1. Tổng quan về chương trình (CT) môn Ngoại ngữ/Tiếng Anh của một số nước trên thế giới

1.1. Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, môn Tiếng Anh (TA) được bắt đầu dạy học với tư cách là môn học bắt buộc từ lớp 3 với thời lượng 2 tiết/tuần ở tiểu học, và 3-4 tiết/tuần ở THCS. Ở THPT, môn TA được dạy theo các chủ đề, mỗi năm học có khoảng 6 chủ đề và mỗi chủ đề được dạy trong 6 tiết học.

Mục tiêu môn TA ở trường phổ thông Hàn Quốc là nhằm giúp HS phát triển khả năng hiểu và giao tiếp bằng TA về những chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày, cụ thể là: Giúp HS hiểu được sự cần thiết phải biết giao tiếp bằng TA; Giúp HS giao tiếp có hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày về những chủ điểm thông thường; Giúp HS hiểu các thông tin đa dạng bằng TA và vận dụng trong thực tế; Giúp HS thông qua việc học TA biết trân trọng các nền văn hoá khác nhau và giới thiệu nền văn hoá dân tộc mình.

Văn bản CT môn TA bao gồm hai phần: những hướng dẫn chung về CT giáo dục phổ thông (GDPT) và CT môn TA (đặc điểm chung của môn học, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, đánh giá). Ngoài ra, CT còn cung cấp các phụ lục về nội dung dạy học môn học.

Nội dung dạy học môn TA bao gồm 2 phần: Hệ thống nội dung dạy học (Contents system) và Chuẩn cần đạt (Accomplishment standards). Hệ thống nội dung dạy học được thể hiện thông qua 3 lĩnh vực: 1/Các kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết và khả năng tích hợp 4 kĩ năng này); 2/ Các hoạt động giao tiếp: các hoạt động ngôn ngữ ngữ âm (Phonetic Language Activities) và các hoạt động ngôn ngữ viết (Written Language Activities); 3/ Ngữ liệu: quy định một số nguyên tắc lựa chọn chủ điểm dạy học, ngôn ngữ dạy học, số lượng từ vựng dạy học trong từng năm

học, số lượng từ tối đa trong câu. Chuẩn cần đạt được quy định cho từng năm học đối với 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

1.2. Trung Quốc

Ngoại ngữ (NN) là môn học tự chọn ở tiểu học, môn học bắt buộc ở trung học. TA là NN phổ biến nhất được dạy học ở trường phổ thông. Thời lượng dạy học môn TA ở tiểu học có thể lên tới 3-4 tiết/tuần và chiếm gần 13% tổng thời lượng dạy học ở trung học.

Mục tiêu dạy học môn TA ở trường phổ thông Trung Quốc nhấn mạnh đến việc hình thành các kĩ năng giao tiếp cơ bản và sự hiểu biết về ngôn ngữ và văn hoá, tăng cường tính tích cực trong việc học tập và giao tiếp bằng NN. Điểm nổi bật của CT môn TA của Trung Quốc là được thiết kế theo các thang bậc trình độ năng lực và đảm bảo kết hợp giữa mục tiêu chung với các mục tiêu cụ thể.

Nội dung dạy học môn TA được sắp xếp theo 9 cấp độ về năng lực NN và tập trung vào các nội dung: kiến thức ngôn ngữ, kĩ năng ngôn ngữ, hiểu biết về văn hoá và cách thức học tập. Nội dung dạy học còn được thể hiện thông qua hệ thống chủ đề, các hoạt động ngôn ngữ và các yếu tố ngôn ngữ, văn hoá.

1.3. Malaysia

Ở Malaysia, TA được dạy với tư cách là NN và cũng là phương tiện dạy học song ngữ một số môn học. Với tư cách là NN, môn TA được dạy với thời lượng lên đến 240 phút/tuần ở tiểu học và 200 phút/tuần ở trung học. Thời lượng dạy học TA là nhiều nhất so với các môn học khác ở phổ thông.

CT môn TA hiện hành ở trường phổ thông Malaysia được xây dựng theo đường hướng ý niệm – chức năng và có cơ sở xuất phát từ đường hướng tiếp cận giao tiếp kế thừa từ CT được xây dựng trước đó. Mục tiêu CT nhằm trang bị cho HS những kĩ năng và kiến thức TA để giao tiếp trong

các hoạt động hàng ngày và một số tình huống công việc, đồng thời cũng tạo cơ sở để HS tiếp tục học ở giai đoạn sau trung học.

Khác với CT trước đây, CT môn TA hiện hành liệt kê danh sách các mục ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm cần được dạy cho HS. Tuy nhiên, đây không phải là CT theo đường hướng ngữ pháp mà nội dung dạy học trong CT được sắp xếp theo các chủ điểm quen thuộc đối với HS và các chủ điểm này cung cấp ngữ cảnh để dạy học các kĩ năng giao tiếp và nội dung ngôn ngữ theo hướng tích hợp.

1.4. Nga

TA là một trong những NN được dạy học ở trường phổ thông của Nga. Ở trường phổ thông, việc dạy học môn TA hướng đến 2 mục tiêu chính, đó là: Giúp HS phát triển năng lực giao tiếp bằng NN nói chung và TA nói riêng; Giúp HS có khả năng và ý thức sẵn sàng tự học tập và học tập NN suốt đời.

CT môn NN/TA là một phần của CT quốc gia tổng thể, có cấu trúc thống nhất cho các NN được dạy trong trường phổ thông. Văn bản CT môn TA bao gồm các phần chính như sau:

- Phần 1: Giải thích về văn bản CT

- Phần 2: Nội dung dạy học chủ yếu (các lĩnh vực chủ điểm, các kĩ năng ngôn ngữ (nói đọc thoại, hội thoại, nghe, đọc, viết), các kĩ năng cân bằng/bù đắp (chỉ có ở CT THPT), các kĩ năng học tập-nhận thức (chỉ có ở CT THPT), các kĩ năng văn hoá-xã hội (chỉ có ở CT THCS, THPT), kiến thức ngôn ngữ (chữ viết, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp)

- Phần 3: Yêu cầu cần đạt đối với HS tốt nghiệp

CT môn TA của Nga nhấn mạnh đến phát triển năng lực giao tiếp cho HS thông qua phát triển các năng lực thành tố như đã được đề cập trong phần mục tiêu dạy học. CT cũng được thiết kế dựa vào Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR), và theo đó, khi kết thúc tiểu học, THCS, THPT, HS phải đạt được trình độ tương ứng là A1, A2, B1.

1.5. Pháp

Trong hệ thống giáo dục của Pháp, môn NN được dạy ở tất cả các cấp học. Ở tiểu học, ngoài TA là NN phổ biến nhất, các ngôn ngữ khác như

tiếng Đức, Tây Ban Nha, Ý, Bồ Đào Nha cũng được dạy với tư cách môn NN. Ở THCS, HS tiếp tục học NN đã học ở tiểu học và học thêm NN thứ hai từ năm thứ ba của THCS.

Mục tiêu môn TA không được trình bày cụ thể trong văn bản CT môn học. Tuy nhiên, nội dung văn bản CT toát lên thông điệp cho thấy mục tiêu chung của việc dạy học NN ở trường phổ thông là giúp HS có cơ hội học NN sớm hơn, tăng cường năng lực giao tiếp khẩu ngữ và đạt được các cấp độ chung của châu Âu về ngôn ngữ. Đặc biệt, CT nhấn mạnh đến dạy học giao tiếp khẩu ngữ ở tiểu học.

Văn bản CT của môn học ở mỗi cấp học bao gồm phần nội dung CT cho môn NN nói chung và nội dung riêng biệt cho từng NN. Phần nội dung CT môn TA bao gồm: 1/ Giới thiệu chung, 2/ Các hoạt động giao tiếp (tiếp thu ngôn ngữ: nghe hiểu, đọc hiểu; sản sinh ngôn ngữ: đọc thoại, viết; nghe nói tương tác), 3/ Nội dung văn hoá và từ vựng, 4/ Cú pháp và hình thái cú pháp học, 5/ Ngữ âm.

Theo quy định của CT, kết thúc tiểu học và THCS, HS cần có trình độ NN tương đương cấp độ A1 và B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ.

1.6. Phần Lan

Ở Phần Lan, CTNN là văn bản thiết kế chung cho các NN được dạy ở phổ thông. NN 1 được dạy học tự chọn từ lớp 1, dạy học bắt buộc từ lớp 3, NN 2 được dạy học bắt buộc từ lớp 7. Thời lượng dạy học ở mỗi lớp do địa phương quy định và tối thiểu là 16 giờ/tuần cho các lớp 1-6 và 6 giờ/tuần cho các lớp 7-9.

Mục tiêu chung của dạy học NN ở trường phổ thông Phần Lan là giúp HS có khả năng giao tiếp bằng NN và sử dụng những kĩ năng ngôn ngữ trong những tình huống thích hợp. Việc dạy học NN ở PT cũng nhằm giáo dục HS biết công nhận và trân trọng những nền văn hoá và truyền thống nước ngoài.

Văn bản CT môn NN được thiết kế cho các giai đoạn học tập (lớp 1-2, lớp 3-6, lớp 7-9, ...) và bao gồm 3 phần: 1/ Các mục tiêu, 2/ Nội dung cốt lõi, 3/ Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập cuối mỗi giai đoạn.



Mục tiêu dạy học của mỗi giai đoạn học tập được thể hiện ở 3 khía cạnh: 1/ sự thành thạo về ngôn ngữ (các kĩ năng giao tiếp), 2/ các kĩ năng văn hoá, 3/ các chiến lược học tập. Nội dung cốt lõi của mỗi giai đoạn học tập được thể hiện thông qua các nội dung về: 1/ chủ điểm, tình huống giao tiếp, 2/ cấu trúc ngôn ngữ, 3/ chiến lược giao tiếp. Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập cuối giai đoạn được thiết kế dựa theo 3 khía cạnh của mục tiêu đề ra đối với mỗi giai đoạn.

Phần Lan áp dụng một cách linh hoạt Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ khi xây dựng CT NN. Các cấp độ A1, A2, B1 được chia nhỏ thành A1.1, A1.2, ... và được mô tả cụ thể trong phụ lục của CT.

1.7. Bang California - Hoa Kỳ

CTNN của bang California được xây dựng chung cho các NN ở trường phổ thông. Văn bản CT bao gồm 8 chương: 1/ Vai trò của NN, 2/ Các cấp độ thành thạo ngôn ngữ, 3/ Nội dung CT môn NN, 4/ Hướng dẫn thực hiện CT, 5/ Đánh giá HS, 6/ Nâng cao năng lực nghề nghiệp của GV, 7/ Vai trò của cha mẹ, các cấp quản lí và cộng đồng, 8/ Các tiêu chí đánh giá tài liệu dạy học.

Mục tiêu dạy học NN được gián tiếp mô tả ở chương 1 và chương 2, trong đó nêu rõ, thông qua việc trang bị kiến thức và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết bằng NN, HS sẽ được phát triển cả về trí tuệ và nhân cách, vượt qua khoảng cách về địa lí và văn hoá, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và phát triển nền kinh tế thịnh vượng trong thời đại toàn cầu hoá hiện nay.

Thông thường, các bang ở Hoa Kỳ chỉ hướng dẫn về thời lượng chung cho dạy học NN, khoảng 1,5 – 2 giờ/tuần tùy theo cấp học cụ thể.

Mục tiêu cụ thể của môn học trong từng giai đoạn được giới thiệu trong chương 2 của CT. Chương 2 mô tả chi tiết các cấp độ thành thạo ngôn ngữ trong quá trình dạy học NN ở trường PT. Trong hệ thống giáo dục của bang California, có 5 cấp độ thành thạo ngôn ngữ. Thông thường, cấp độ 1 được áp dụng ở tiểu học, cấp độ 2 - ở THCS, cấp độ 3 và 4 - ở THPT. Ngoài ra, văn bản CT cũng hướng dẫn cụ thể và tỉ mỉ về việc thực hiện CT trong thực tiễn, cách thức đánh giá kết quả

học tập, bồi dưỡng chuyên môn đối với GV, các tiêu chí lựa chọn và đánh giá tài liệu dạy học, các nguồn tài liệu tham khảo, ...

1.8. Quebec - Canada

Ở Quebec, TA được coi như ngôn ngữ thứ hai. Môn TA là một phần trong lĩnh vực học tập "Ngôn ngữ". Lĩnh vực học tập này thường chiếm khoảng 30-35% thời lượng dạy học mỗi năm học. CT quốc gia không quy định số tiết cụ thể của môn học. Việc phân bố thời lượng dạy học được thực hiện ở các cấp giáo dục địa phương.

CT môn TA được xây dựng theo tiếp cận dựa vào năng lực đối với ngôn ngữ thứ hai. Vì vậy, bên cạnh nhấn mạnh đến 4 nhóm năng lực đối với môn TA như đọc và nghe, viết các loại văn bản, diễn đạt suy nghĩ của bản thân dưới các hình thức phương tiện khác nhau, sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và học tập, CT môn TA còn đặt các năng lực này trong mối liên hệ với các nhóm năng lực khác trong CT giáo dục nói chung. Đối với mỗi nhóm năng lực, CT giải thích cụ thể về bản chất của nhóm năng lực đó, về mối quan hệ với các nhóm năng lực khác trong CT, về ngữ cảnh và quá trình phát triển năng lực khi dạy học. Tiếp đó, CT cũng đưa ra các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về kết quả đầu ra khi kết thúc mỗi giai đoạn học tập ở PT. Cuối cùng CT đưa ra các mô tả về các kiến thức, chiến lược, kĩ năng, ... cho mỗi nhóm năng lực.

2. Một số nhận định về xu thế phát triển chương trình NN/TA anh trên thế giới hiện nay

2.1. Đặc điểm của môn học

Tùy theo quan điểm của từng nước, môn NN/TA có thể là một phần trong lĩnh vực học tập ngôn ngữ của CT quốc gia (lĩnh vực này bao gồm cả tiếng mẹ đẻ), hoặc là một lĩnh vực học tập riêng biệt của CT quốc gia, hoặc là một môn học độc lập. Thời điểm dạy học môn NN/TA với tư cách là môn học bắt buộc không giống nhau ở các quốc gia nhưng xu thế chung là bắt đầu dạy học môn NN/TA từ tiểu học, thông thường là từ lớp 3, khi HS đã biết đọc, biết viết bằng tiếng mẹ đẻ. Nhiều quốc gia nhấn mạnh vai trò của TA với tư cách là một trong những ngôn ngữ của toàn cầu hoá, và do vậy, TA thường được lựa chọn là NN bắt buộc thứ nhất được dạy học ở phổ thông.

Quy định về thời lượng dạy học cho môn NN/TA không cứng nhắc, CT thường quy định số giờ học tối đa/tối thiểu/cho cả năm học để địa phương tự quyết định thời lượng cụ thể

2.2. Xu thế về đường hướng tiếp cận khi phát triển CT NN/TA

Mặc dù nhiều quốc gia vẫn cho rằng CT môn NN/TA của họ được xây dựng theo đường hướng giao tiếp, nhưng trên thực tế những kiểu CT hiện nay thường được xây dựng theo quan điểm triết trung (eclectic approach), đó là lựa chọn và kết hợp một số yếu tố đặc thù từ các kiểu CT khác nhau làm tiêu chí để xây dựng CT như kết hợp ngữ pháp với kĩ năng và văn bản, kết hợp nhiệm vụ với chủ điểm và chức năng, Đó là những CT được phát triển từ nền tảng của những CT trước đó và kết hợp với những yếu tố mới và được gọi là CT hỗn hợp (hybrid/multi-/multidimensional/mixed syllabus).

2.3. Xu thế về cấu trúc văn bản CT

- Ở những nước thực hiện phân cấp trong quản lí giáo dục và GV có trình độ tốt, ở cấp quốc gia, CT môn NN/TA thường là CT khung để giảm thiểu "tính đồng loạt" khi thực hiện CT, nâng cao hiệu quả của CT đối với các đối tượng HS, các vùng, miền khác nhau. Trong một số trường hợp, bên cạnh CT khung còn có gợi ý CT chi tiết hơn cho các cấp lớp.

- Cấu trúc văn bản CT của các quốc gia thường đa dạng, phong phú, khác biệt. Tuy nhiên, có thể liệt kê một số thành tố thường được đề cập đến trong văn bản CT môn NN/TA của các nước như: giới thiệu chung (vị trí, vai trò, thời lượng, ... của môn học), mục tiêu, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập, vai trò của GV, chuẩn đánh giá, ...

2.4. Xu thế về mục tiêu CT

Mục tiêu môn học thường được thể hiện ở các cấp độ khác nhau, thông thường là cấp độ mục tiêu chung cho GDPT và mục tiêu cụ thể cho từng cấp học, giai đoạn học tập.

Mục tiêu môn học có thể hướng đến một hoặc nhiều đích khác nhau tùy thuộc vào quan điểm tiếp cận môn học và chiến lược giáo dục của từng quốc gia. Tuy nhiên, hầu hết CT NN/TA

của các nước đều nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho HS. Khái niệm năng lực giao tiếp được thể hiện trong CT là khái niệm được vận dụng từ khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ.

Mục tiêu dạy học NN/TA với tư cách là môn học trong CT GDPT quốc gia thường được bao gồm các mục tiêu về ngôn ngữ (hình thành và phát triển năng lực giao tiếp) và các mục tiêu về giáo dục nói chung (mục tiêu phi ngôn ngữ)

2.5. Xu thế về nội dung dạy học

- Nội dung dạy học là thành tố xuất hiện ở hầu hết CT các nước. Nội dung dạy học có thể bao gồm nhiều mạch nội dung khác nhau và tùy theo cách tiếp cận khi xây dựng CT mà các nước lựa chọn và ưu tiên một hoặc nhiều mạch nội dung dạy học nào đó. Thông thường, các mạch hay xuất hiện trong nội dung dạy học của CTNN/TA các nước là: kĩ năng giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ, chức năng giao tiếp, chủ điểm, chiến lược học tập NN, nội dung văn hoá.

Kĩ năng giao tiếp, theo giáo học pháp NN truyền thống, được chia thành 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong nội dung CT hiện nay của một số quốc gia, nhất là những quốc gia áp dụng khung tham chiếu chung châu Âu vào xây dựng CT, kĩ năng giao tiếp bao gồm 5 kĩ năng: nghe, nói đọc thoại, nói tương tác, đọc và viết.

Kiến thức ngôn ngữ trong các CT được thể hiện theo 3 yếu tố: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Đối với các quốc gia có chữ viết không phải hệ La tinh, nội dung ngôn ngữ còn bao gồm cả chữ viết.

Chủ điểm cũng là yếu tố xuất hiện thường xuyên ở CT các nước dưới dạng "kho" các chủ điểm mang tính định hướng cho tác giả sách giáo khoa, GV, cán bộ quản lí trong quá trình thực hiện CT.

Chiến lược/kĩ thuật học tập NN (learning strategies) là nội dung được nhấn mạnh trong CT của một số nước và bắt đầu được cụ thể hoá trong nội dung dạy học NN.

2.6. Phương pháp dạy học

- Đối với các quốc gia thực hiện phân cấp trong giáo dục và GV có trình độ chuyên môn cao, phần

phương pháp dạy học không được giới thiệu một cách tỉ mỉ, cụ thể trong CT, hoặc chỉ được thể hiện dưới dạng định hướng chung về phương pháp dạy học cho các môn học trong CT quốc gia. GV được quyền lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để đạt được mục tiêu đặt ra cho môn học.

Nội dung, phương pháp dạy học trong CT NN/TA hiện nay thường chú trọng đến dạy học tập trung vào người học, trong đó khuyến khích GV sử dụng các hoạt động dạy học tương tác phù hợp với tâm – sinh lí lứa tuổi nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

2.7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đã bắt đầu được tiêu chuẩn hoá. Một số quốc gia đã xây dựng các chuẩn/khung đánh giá theo các trình độ, năng lực sử dụng NN/TA hoặc vận dụng chuẩn quốc tế (ví dụ như Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ) khi đánh giá. Các CT đều nhấn mạnh đến kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, đánh giá của GV và tự đánh giá/đánh giá lẫn nhau của HS. Việc đánh giá trong CT môn NN/TA của các nước hiện nay mới chỉ dừng lại ở các quy định về đánh giá thông qua các kĩ năng, các mục tiêu còn lại của dạy học NN chưa được đưa vào nội dung đánh giá kết quả học tập.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Những nhận thức mới được đúc kết từ kinh nghiệm phát triển CT môn NN/TA một số nước trong khu vực và trên thế giới cho thấy Việt Nam cần phải quan tâm hơn nữa đến việc phát triển CTNN/TA mới nhằm góp phần đáp ứng những đòi hỏi lớn lao và cấp bách về nguồn nhân lực trong giai đoạn tới. Do đó, CT môn NN cần phải có những thay đổi cơ bản trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế trên cơ sở kế thừa, tiếp thu những ưu điểm đang có của chương trình hiện hành và tiệm cận với thành tựu phát triển CT môn NN/TA của thế giới. Những luận điểm sau cần được tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh trong CT NN mới:

- NN là một bộ phận của học vấn phổ thông. Cùng với các môn tiếng mẹ đẻ và môn Toán, NN cần phải trở thành môn học công cụ trong nhà trường.

- TA có vị trí mới, nổi bật trong hệ thống các NN được dạy học trong nhà trường.

- CT môn NN/TA cần chú trọng đến mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp nhằm góp phần phát triển năng lực cá nhân của HS.

- CT môn NN/TA cần được định hướng theo hình thức CT khung để đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo khi thực hiện ở các vùng, miền khác nhau trong cả nước.

- CT môn NN/TA cần áp dụng linh hoạt chuẩn đánh giá quốc tế (CEFR) nhằm góp phần tạo ra nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án "Dạy và học NN trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020" – ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bùi Đức Thiệp, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ: So sánh chương trình giáo dục phổ thông môn Ngoại ngữ của một số nước trên thế giới và đề xuất những định hướng phát triển chương trình dạy học ngoại ngữ ở nước ta. Mã số: B2006-37-28, 2008.

3. Nguyễn Quốc Tuấn, "Những định hướng cơ bản phát triển chương trình tiếng Anh trung học phổ thông". Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Báo cáo khoa học, 2008.

4. NIER. *An International Comparative Study of School Curriculum*, Tokyo, Japan, 1999.

5. www.inca.org.uk

6. www.oph.fi

7. www.en.russia.edu.ru

SUMMARY

This article presents to overview of language curriculum in general and English language in particular in some countries. Based upon the author made comments on the trends in languages/English curriculum and lessons for Vietnam.